

KẾ HOẠCH BÀI HỌC

Môn: *Toán*

Bài: *Bảng đơn vị đo thời gian*

I. MỤC TIÊU: Biết:

- Tên gọi, ký hiệu của các đơn vị đo thời gian đã học và mối quan hệ giữa một số đơn vị đo thời gian thông dụng.
- Một năm nào đó thuộc thế kỉ nào.
- Đổi đơn vị đo thời gian. Làm các bài tập 1,2, 3(a).

II. CHUẨN BỊ: Bảng phụ.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC:

Hoạt động dạy	Hoạt động học
<p>1. KT bài cũ :</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV sửa bài kiểm tra tiết trước. <p>2. Bài mới: Gt bài - ghi đầu bài.</p> <p>HĐ 1 : Ôn các đơn vị đo thời gian:</p> <p>* Các đơn vị đo thời gian:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hãy nhắc lại những đơn vị đo thời gian đã học và quan hệ giữa một số đơn vị đo thời gian. - GV nhận xét, bổ sung, ghi bảng. <p>- GV : Năm 2000 là năm nhuận, vậy năm nhuận tiếp theo là năm nào? Các năm nhuận tiếp theo nữa là năm nào?</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS nhận xét đặc điểm của năm nhuận. - GV hướng dẫn HS nhớ lại tên các tháng và số ngày của từng tháng. GV có thể nêu cách nhớ số ngày của từng tháng - GV nhấn mạnh và treo bảng đơn vị đo thời gian lên cho cả lớp quan sát và đọc. * Ví dụ về đổi đơn vị đo thời gian: - Gv cho HS đổi các đơn vị đo thời gian. + Đổi từ năm ra tháng: 	<ul style="list-style-type: none"> - Lắng nghe. - HS nối tiếp nhau nêu. Các HS khác nhận xét và bổ sung. <p>1 thế kỉ = 100 năm 1 tuần lễ = 7 ngày 1 năm = 12 tháng 1 ngày = 24 giờ 1 năm = 365 ngày 1 giờ = 60 phút 1 năm nhuận = 366 ngày 1 phút = 60 giây</p> <p>Cứ 4 năm lại có 1 năm nhuận</p> <ul style="list-style-type: none"> - Năm 2004, các năm nhuận tiếp theo nữa là: 2008, 2012, 2016 ... - Số chỉ năm nhuận chia hết cho 4. - Dựa vào hai nắm tay. Đầu xương nhô lên chỉ tháng 31 ngày, còn chỗ hõm vào chỉ tháng có 30 ngày hoặc 28, 29 ngày. - 1,3,5,7,8,10,12 là tháng có 31 ngày, các tháng còn lại có 30 ngày (riêng tháng 2 có 28 ngày, năm nhuận thì có 29 ngày). - HS nối tiếp đọc bảng đv đo thời gian. - Một năm rưỡi = 1,5 năm = 12 tháng \times 1,5 = 18 tháng 0,5 giờ = 60 phút \times 0,5 = 30 phút 180 phút = 3 giờ <p>Cách làm: $\begin{array}{r l} 180 & 60 \\ 0 & 3 \end{array}$</p>

<p>+ Đổi từ giờ ra phút :</p> <p>+ Đổi từ phút ra giờ (Nêu rõ cách làm)</p> <p>HD 2 : Luyện tập :</p> <p>Bài 1 :</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS đọc đề và làm việc theo cặp. + Hãy quan sát, đọc bảng (trang 130) và cho biết từng phát minh được công bố vào thế kỉ nào? + Máy bay 1903 được công bố vào thế kỉ XX. + Máy tính điện tử 1946 được công bố vào thế kỉ XX. + Vệ tinh nhân tạo 1957 được công bố vào thế kỉ XX. (Vệ tinh nhân tạo đầu tiên do Nga phóng lên vũ trụ). - GV nhận xét. <p>Bài 2: Gọi HS đọc yêu cầu bài tập :</p> <ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu HS làm bài vào vở. Gọi 2 HS lên bảng làm. a) 6 năm = 72 tháng 4 năm 2 tháng = 50 tháng 3 năm rưỡi = 42 tháng (12 tháng \times 3,5 = 42 tháng) 3 ngày = 72 giờ 0,5 ngày = 12 giờ 3 ngày rưỡi = 84 giờ - HS chữa bài. - Nhận xét. <p>Bài 3: Gọi HS đọc yêu cầu bài tập :</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS tự làm, gọi 1 em lên bảng làm. - Nhận xét . <p>3. Cũng cố - Dặn dò:</p>	<p>216 phút = 3 giờ 36 phút</p> <p>Cách làm: $\begin{array}{r l} 216 & 60 \\ 360 & 3,6 \\ 0 & \end{array}$</p> <p>Vậy 216 phút = 3,6 giờ</p> <p>Bài 1. HS đọc đề, thảo luận theo cặp.</p> <ul style="list-style-type: none"> + Kính viễn vọng năm 1671 được công bố vào thế kỉ XVII. + Bút chì năm 1794 được công bố vào thế kỉ XVIII. + Đầu máy xe lửa năm 1804 được công bố vào thế kỉ XIX. + Xe đạp năm 1869 được công bố vào thế kỉ XIX. (có bánh bằng gỗ) + Ô tô năm 1886 được công bố vào thế kỉ XIX. - Đại diện trình bày kết quả thảo luận . - HS khác nhận xét, bổ sung. - Viết số thích hợp vào chỗ chấm. <p>b) 3 giờ = 180 phút</p> <p>1,5 giờ = 90 phút</p> <p>$\frac{3}{4}$ giờ = 45 phút</p> <p>$(60 \times \frac{3}{4} = \frac{180}{4} = 45 \text{ phút})$</p> <p>6 phút = 360 giây</p> <p>$\frac{1}{2}$ phút = 30 giây.</p> <p>1 giờ = 3600 giây.</p> <p>Bài 3.</p> <ul style="list-style-type: none"> a) 72 phút = 1,2 giờ. 270 phút = 4,5 giờ. b) 30 giây = 0,5 phút. 135 giây = 2,25 phút.
---	---